

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 07 - 8 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Văn Sel

Bà Nguyễn Thị Mười

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Tươi, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST - HS, ngày 09 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

**Hồ Thanh T** (tên gọi khác: T B), sinh ngày 21/10/1997, tại tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp Đắc T, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tấn Đ, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1974; bị cáo sống chung như vợ chồng với Võ Thị Kiều T, sinh năm 1997 (chưa đăng ký kết hôn); con có một người sinh năm 2017; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/3/2019 và chuyển tạm giam từ ngày 01/4/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***- Bị hại:*** Ông Hong S (tên gọi khác: P), sinh năm 1972. Nơi cư trú: 3845 Norbert Ave W MI 48091-3363 (Mỹ). (vắng mặt có lý do)

***Người đại diện hợp pháp cho bị hại:*** Ông T Minh T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp Hương P A, xã Đa L, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh (theo văn ủy quyền được Văn phòng công chứng P V chứng thực ngày 09/5/2019) (có mặt)

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Võ Thị Kiều T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp Đắc T, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 125, K4, p8, T phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 22 tháng 3 năm 2019, bị cáo T chở bà Kiều T (sống chung như vợ chồng với bị cáo) cùng với người con đi chơi bằng xe mô tô lưu thông theo hướng từ T phố Cần Thơ về T phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Trên tuyến đường thuộc T phố Vị Thanh, bị cáo thấy ông Hong S (có tên gọi khác là P, sinh ngày 13/5/1972, quốc tịch Mỹ) và người bạn của ông P tên là D (trú huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang) đang đi bộ dẫn xe mô tô bị hỏng máy. Bị cáo giúp đẩy xe đến tiệm ở T phố Vị Thanh sửa chữa, ông P cho bị cáo ba tờ đô la Mỹ (mỗi tờ mệnh giá 01 USD – một đô) và xin số điện thoại của bị cáo T nói để có dịp ông P cảm ơn.

Sau ngày quen biết, ông P liên lạc và rủ bị cáo đi đến nhà những người bạn của ông P chơi, bị cáo đồng ý và đi đến tỉnh Trà Vinh cùng với ông P. Đến sáng ngày 26 tháng 3 năm 2019, ông P chở bị cáo lên T phố Trà Vinh để bị cáo đón xe khách về Sóc Trăng. Khi đến bến xe khách Trà Vinh, ông P rủ bị cáo vào nhà nghỉ Kim L (thuộc khóm 5, phường 9, T phố Trà Vinh) để quan hệ đồng tính, bị cáo suy nghĩ nếu nghe theo thì ông P cho tiền về xe nên đồng ý. Cả hai vào nhà nghỉ Kim L và thuê phòng nghỉ số 02. Trong thời gian ở phòng nghỉ, ông P cởi quần dài để trên ghế, rồi ra ngoài gặp bà Lâm Thị L (chủ nhà nghỉ Kim L) nói chuyện và hỏi chỗ thuê đồ dân tộc Khmer để chụp hình. Lúc này, chỉ một mình bị cáo T trong phòng nghỉ và bị cáo thấy trong túi quần của ông P có cọc tiền USD (đô la Mỹ), nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài. Bị cáo T đến dùng tay đưa vào trong túi quần của ông P rút lấy ra được 16 tờ đô la Mỹ (mỗi tờ mệnh giá 100 USD) trong số cọc tiền USD của ông P, rồi đem giấu Dới nệm của giường ngủ. Sau đó, bị cáo T đi chụp hình cùng ông P. Khi về, lợi dụng lúc ông P uống nước quay lưng về phía bị cáo, nên bị cáo T lấy số USD (đô la Mỹ) Dới nệm bỏ vào túi áo, rồi hỏi ông P mượn 300.000 đồng Việt Nam để về xe, mục đích đánh lạc hướng ông P. Ông P cho tiền xong, bị cáo T đi ra khỏi nhà nghỉ gặp và thuê Ông Phạm Văn T (sinh năm 1963, cư trú K4, p8, T phố Trà Vinh, là người chạy xe honda thuê) chở bị cáo về Sóc Trăng với giá 400.000 đồng. Trên đường đi, bị cáo T nói dối với ông T rằng bị cáo là việt kiều Mỹ về Việt Nam và có nhiều tiền đô. Lúc này, bị cáo bỏ số đô la đã lấy trộm của ông P vào túi quần. Ông T chở bị cáo T đến đoạn đường thuộc xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh thì gặp anh Cao Văn H (sinh năm 1990, cư trú ấp Chăng M, xã Hòa L, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh) là người bán ná thun dạo, bị cáo kêu ông T dừng xe lại, rồi mua một ná thun với giá 250.000 đồng. Bị cáo T lấy tiền đô ra (trong đó có số đô la Mỹ đã lấy trộm của ông P và ba tờ đô la Mỹ ông P tặng trước đó) tặng anh H và ông T mỗi người 01 USD. Xong, ông T tiếp tục chở bị cáo T đi.

Sau khi phát hiện mất tiền, ông P điện thoại cho bị cáo T nhưng không được. Khi đến T phố Sóc Trăng, do không còn tiền Việt Nam để trả tiền xe, bị cáo T kêu ông T ghé vào một tiệm vàng không quen biết. Tại đây, T đổi 100 USD (đô la Mỹ) đã lấy trộm của ông P ra tiền Việt Nam được khoảng 2.300.000 đồng, rồi cả hai vào quán nước ven đường ngồi đợi bà T đến đón. Trong khoảng thời gian này, ông P điện thoại cho bị cáo T được nên nói là đã đến cơ quan Công an trình báo về việc bị cáo lấy trộm đô la. Bị cáo T suy nghĩ quay lại Trà

Vinh gặp ông P và đến Cơ quan điều tra, bị cáo nói với ông T là khi Cơ quan điều tra làm việc “ông T khai không thấy bị cáo mang đô la trong người”. Ngoài việc trả cho ông T 400.000 đồng Việt Nam tiền thuê xe như thỏa thuận ban đầu, bị cáo T còn cho thêm ông T 1.800.000 đồng Việt Nam từ số tiền vừa đổi đô la có được để mong ông T giúp. Do ông T không biết bị cáo T đã lấy trộm tiền đô của ông P, ông nghĩ bị cáo là việt kiều thật nên nhận số tiền cho thêm.

Khi bà T đi xe mô tô đến đón thì bị cáo T lấy tất cả số đô la giấu vào trong bao thuốc lá, bỏ vào cốp xe bà T, rồi kêu bà T về. Xong, T kêu ông T chờ quay ngược về Trà Vinh mục đích sẽ trình diện Cơ quan điều tra nhưng che giấu việc phạm tội. Khi qua phà Đại N, đến thị trấn Cầu Q, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh, ông T vào đổ xăng, lúc này bị cáo T liên hệ ông P cũng là lúc ông P đang khai báo với Cơ quan điều tra. Bị cáo T suy nghĩ đến việc có thể bị xử lý nên không dám ra trình diện, bị cáo kêu ông T chờ quay về T phố Sóc Trăng, nhưng ông T bận công việc không thể tiếp tục đi nữa mà quay về Trà Vinh. Do đó, bị cáo T cũng chưa nói với ông T về việc giúp bị cáo như dự định trước đó.

Sau đó, bị cáo T thuê ông Lê Phước H (sinh năm 1957, cư trú khóm 5, thị trấn Cầu Q, huyện Tiểu C, là người chạy xe honda thuê) chở qua T phố Sóc Trăng với giá 150.000 đồng Việt Nam. Trên đường đi, bị cáo T điện thoại cho bà T ra đón rồi cả hai về nhà mẹ ruột bị cáo ở ấp Đắc T, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Đến tối cùng ngày, bị cáo T lấy hết số đô la trong bao thuốc lá giấu vào trong người rồi cùng bà T với con đến nhà ông Lê Chí T (sinh năm 1976, cư trú ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K) tổ chức uống rượu bia. Bị cáo lấy 200 đô la đưa cho ông T nói tiền của ông việt kiều Pêđê cho và kêu ông T đi đổi ra tiền Việt Nam để mua thức ăn. Ông T ra chợ Trà Q thuộc thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng vào tiệm vàng nhưng không nhớ tên gì đổi được 4.600.000 đồng Việt Nam, rồi quay về đưa lại cho bị cáo T 4.000.000 đồng, còn 600.000 đồng mua thức ăn để uống rượu bia. Sau đó, bị cáo T đưa thêm cho ông T 500.000 đồng Việt Nam để mua thêm thức ăn. Số tiền còn lại bị cáo đưa cho bà T cất giữ, đồng thời bị cáo T có nói với bà T được ông P cho 1.600 đô la Mỹ, do ông P đã có nói giúp đỡ, trả ơn nên bà T không nghi ngờ bị cáo T lấy trộm. Đến sáng ngày 27 tháng 3 năm 2019, bị cáo T đem 1.300 đô la Mỹ còn lại cùng bà T đến tiệm vàng Kim Kim Y (thuộc khu vực 1, đường Lê L, phường Ngã B, thị xã Ngã B, tỉnh Hậu Giang do bà Lê Thị T, sinh năm 1990 làm chủ) đổi ra tiền Việt Nam được 30.069.000 đồng, rồi hai người qua tiệm vàng Kim B của ông Võ Văn Mười H (sinh năm 1966, tại số 54, đường Lê L, phường Ngã B, thị xã Ngã B, tỉnh Hậu Giang) mua vàng bao gồm: 02 chiếc nhẫn trơn (loại nhẫn cưới), 01 nhẫn có đính hạt đá, 01 đôi bông tai nữ và hai sợi dây chuyền, tổng cộng 21.325.000 đồng. Số tiền còn lại, theo bị cáo T trình bày là bị rơi mất một phần, phần còn lại vợ chồng bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm 1.600 USD (đô la Mỹ) của ông P với nội dung như nêu trên. Bị cáo tự nguyện giao nộp lại 01 nhẫn trơn mua được từ số tiền đổi đô la lấy trộm của ông P. Ngày 30 tháng 3 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T tại ấp Đắc T, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng, thu giữ được 02 sợi dây chuyền, 01 nhẫn đính hạt đá, 02 tờ giấy mua

vàng và 01 hộp đựng vàng. Về phía bà T tự nguyện giao nộp lại 01 đôi bông tai và 01 nhẫn trơn là tài sản mua được từ số tiền đổi đô la lấy trộm của ông P ra tiền Việt Nam. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo và lệnh tạm giam đối với Hồ Thanh T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại kết luận định giá tài sản số 03 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản Sở Tài chính Trà Vinh kết luận 1.600 USD (đo la Mỹ) tại thời điểm ngày 26 tháng 3 năm 2019 có tổng giá trị bằng 36.992.000 đồng Việt Nam.

Vật chứng thu giữ: 02 tờ giấy mua vàng; 01 hộp nhựa đựng vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mảnh, mặt trong có in chữ “TH”; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mảnh, mặt trong có in chữ “Yên 15KT”; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có gắn một hạt đá lớn màu trắng hình chữ nhật và các hạt đá nhỏ màu trắng; 01 đôi bông tai nữ bằng kim loại màu vàng hình trái tim; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dạng móc xích, có ký hiệu “610MT, KM”; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dạng móc xích, có mặt kiểu hình các bông hoa (thu giữ khi bắt khẩn cấp và khám xét chỗ ở của bị cáo T; thu giữ do bị cáo T giao nộp và vợ của bị cáo giao nộp); 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 01 đô và 800.000 đồng tiền Việt Nam do Ông Phạm Văn T giao nộp; 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 01 đô do anh Cao Văn H giao nộp.

Tại kết luận giám định số 2463 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Phân viện khoa học hình sự tại T phố Hồ Chí Minh xác định các vật bằng kim loại màu vàng nêu trên có hàm lượng vàng thấp nhất 63,44% và cao nhất 96,15%, khối lượng nhẹ nhất 0,5785 gam và nặng nhất 11,2462 gam.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, Cơ quan điều tra đã giao trả cho người bị hại Hong S (P) các tài sản gồm: 03 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai nữ bằng vàng, 02 sợi dây chuyền vàng, 02 tờ đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 01 đô và tiền Việt Nam 800.000 đồng. Sau đó, Cơ quan điều tra kết hợp cùng với người bị hại Hong S đến tiệm vàng Hưng P tại khóm 3, phường 3, T phố Trà Vinh xác định tổng giá trị số vàng nêu trên người bị hại đã nhận bằng 18.827.000 đồng Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-P1 ngày 08/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Hồ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Thanh T thừa nhận vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 26/3/2019, tại nhà nghỉ Kim L, lợi dụng lúc bị hại Hong S sơ hở nên bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 1.600 đô la Mỹ trị giá 36.992.000 VNĐ.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho bị hại Hong S (P) là ông T Minh T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền còn lại là 17.318.760 đồng. Bị cáo đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bị hại và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 1.000.000đ còn lại do bị cáo đã cho ông T rồi; đối với bà Võ Thị Kiều T tự nguyện thỏa thuận cùng với bị cáo bồi thường cho bị hại P số tiền trên.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện bị cáo Hồ Thanh T đã có hành vi lén lút trộm cắp của ông Hong S (P) số tiền là 1.600 đô la Mỹ, trị giá là 36.992.000 VNĐ và hậu quả đã xảy ra, đủ căn cứ quy kết bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hồ Thanh T từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 29/3/2019.

Đối với bà Võ Thị Kiều T: khi thấy bị cáo có tiền đô la Mỹ thì có hỏi và bị cáo T nói là ông P cho nên không có nghi ngờ bị cáo lấy trộm tiền của ông P. Hành vi của bà T không có dấu hiệu cấu T tội phạm.

Đối với Ông Phạm Văn T: do bị cáo nói với ông T bị cáo là việt kiều Mỹ nên ông T hoàn toàn không biết tiền mà ông nhận bồi Dỡng từ bị cáo T là số tiền do bị cáo trộm có được. Sau khi biết sự việc ông T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đô la Mỹ và số tiền 800.000đ. Hành vi của ông T cũng không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với ông Lê Chí T: Khi nhận số tiền 200 đô la Mỹ do bị cáo T đưa đi đổi để lấy tiền mua thức ăn uống rượu bia, bị cáo nói với ông T tiền là của ông việt kiều Pêđê cho nên ông T không biết tiền đô là do bị cáo trộm cắp có được. Hành vi của ông T cũng không cấu T tội phạm.

Đối với bà Lê Thị T (chủ tiệm vàng Kim Kim Y): Không biết số tiền đô là Mỹ là do trộm cắp mà có. Sau khi đổi sang tiền Việt Nam, phía bà Thúy đã vào ngân hàng đổi số tiền 1.300 đô la Mỹ sang tiền Việt Nam, nên Cơ quan điều tra không thể thu hồi lại. Xét thấy, hành vi của bà Thúy cũng không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với ông Võ Văn Mười H (chủ tiệm vàng Kim B): Ông không biết số tiền mua vàng là do đổi chác từ tài sản phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông Mười Hai cũng không cấu T tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, bà Võ Thị Kiều T và người đại diện hợp pháp của bị hại. Buộc bị cáo và bà Võ Thị Kiều T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hong S (P) số tiền còn lại là 17.318.760 đồng.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí, xử lý vật chứng và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm tranh luận của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, ngwoif đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói cuối cùng của bị cáo Hồ Thanh T: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội đoàn tụ gia đình, chăm lo cho các con, bị cáo xin lỗi bị hại Hong S.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị hại ông Hong S (P) hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Mỹ) nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Thanh T: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 08/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận vào ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại nhà nghỉ Kim L thuộc khóm 5, phường 9, T phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, lợi dụng lúc ông Hong S (P) sơ hở nên bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản số tiền là 1.600 đô la Mỹ, trị giá 36.992.000 VNĐ, mục đích là để có tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là lời phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, của bà Võ Thị Kiều T, các vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu T tội phạm theo quy định của bộ luật hình sự về tội danh “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Hồ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại trái pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo hoàn toàn nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ sự tư lợi, tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lại không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bà cố là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có ông cố là liệt sĩ, ba ông chú là liệt sĩ; hoàn cảnh

gia đình khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có con còn nhỏ và bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bà Võ Thị Kiều T, Ông Phạm Văn T và ông Lê Chí T không biết nguồn tiền đôla bị cáo đưa có nguồn gốc từ hành vi phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu T tội phạm.

Đối với bà Lê Thị T và ông Võ Văn Mười H: Khi giao dịch đổi ngoại tệ và mua bán vàng cho bị cáo thì ông, bà không biết nguồn tiền đôla bị cáo đưa có nguồn gốc từ hành vi phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu T tội phạm.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bà Võ Thị Kiều T tự nguyện cùng với bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Buộc bị cáo và bà Võ Thị Kiều T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hong S (P) số tiền còn lại là 17.318.760 đồng.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là 01 hộp nhựa đựng vàng, do đã không còn giá trị sử dụng nghĩ nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Hồ Thanh T phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T 01 (Một) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 29/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bà Võ Thị Kiều T với người đại diện hợp pháp cho bị hại. Buộc bị cáo Hồ Thanh T và bà Võ Thị Kiều T bồi thường cho ông

Hong S (P) số tiền là 17.318.760đ (Mười bảy triệu ba trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 hộp nhựa đựng vàng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Hồ Thanh T phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Hồ Thanh T và bà Võ Thị Kiều T nộp 866.000 đ (tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn T**







